

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 6 - 2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tuyết Minh.

2. Bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thanh H – sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp TT, xã PX, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Đ – sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số nhà 1989, tổ 1, ấp TT, xã PX, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã PX cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng nhau tại địa chỉ 1989 Tổ 1, ấp TT, xã PX, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ ham mê chơi bài, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Ngoài ra, vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế gia đình. Do đó, tình cảm vợ

chồng dần phai nhạt và thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Từ năm 2022, chị bỏ về nhà bố mẹ để sống và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung là:

+ Nguyễn Hải Đ1 – sinh ngày: 02/4/2013.

+ Nguyễn Ngọc H1 – sinh năm: 23/7/2014.

+ Nguyễn Thành Đ2 – sinh ngày: 18/12/2021.

Từ khi chị và anh Đ ly thân nhau đến nay, các con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, chị làm nghề buôn bán chổi tại địa phương, thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 12.000.000đ, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng A số tiền 50.000.000đ. Nếu ly hôn thì chị yêu cầu anh Đ có trách nhiệm thanh toán số nợ trên.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Duy Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị Thanh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã PX cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng nhau tại địa chỉ 1989 Tổ 1, ấp Thanh Thọ, xã PX, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H có quan hệ tình cảm với người khác và phá tán tài sản gia đình. Do đó, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt và vợ chồng có cãi vã, có 01 lần anh có đánh chị H. Từ tháng 7/2022, chị H bỏ về nhà bố mẹ để sống và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, do anh theo đạo Thiên chúa không cho phép ly hôn và do anh thương con cái còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là:

+ Nguyễn Hải Đ1 – sinh ngày: 02/4/2013.

+ Nguyễn Ngọc H1 – sinh năm: 23/7/2014.

+ Nguyễn Thành Đ2 – sinh ngày: 18/12/2021.

Từ khi anh và chị H ly thân nhau đến nay, thời gian đầu khoảng 05 – 06 tháng thì anh nuôi 02 cháu Đ1 và H1, chị H nuôi cháu Đ2. Sau đó, chị H dẫn cả 02 cháu Đ1 và H1 về trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con cho đến nay.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con thì anh đồng ý chấp nhận.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng A số tiền 50.000.000đ. Nếu ly hôn thì anh đồng ý tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán số nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh H đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Căn cước công dân của chị H (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Sổ hộ khẩu của chị H và anh Đ (bản sao);

Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt của chị H (bản chính). Bị đơn anh Nguyễn Duy Đ đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Căn cước công dân của anh Đ (photo); Bản tự khai ngày 16/02/2023 của anh Đ (bản chính); Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt của anh Đ (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của đương sự đối với chị Ngô Thị Thanh H; Biên bản lấy lời khai của đương sự đối với anh Nguyễn Duy Đ; Biên bản thể hiện nguyện vọng của con chung; Biên bản xác minh tại địa phương. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị H và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị Ngô Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ.

+ Về con chung: Đề nghị giao 03 con chung Nguyễn Hải Đ1 – sinh ngày: 02/4/2013, Nguyễn Ngọc H1 – sinh năm: 23/7/2014, Nguyễn Thành Đ2 – sinh ngày: 18/12/2021 cho chị Ngô Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Duy Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Các đương sự kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Các đương sự kê khai có nợ Ngân hàng A số tiền 50.000.000đ. Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng thực hiện yêu cầu khởi kiện nhưng Ngân hàng không thực hiện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Ngô Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Duy Đ. Anh Đ đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Chị Ngô Thị Thanh H và anh Nguyễn Duy Đ là các đương sự trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng chị H và anh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Chị H và anh Đ kết hôn tại Ủy ban nhân dân PX vào ngày 30/12/2009. Nay chị H yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2009. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H yêu cầu ly hôn do anh Đ ham mê chơi bời, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị và vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế gia đình. Anh Đ thừa nhận mâu thuẫn do chị H có quan hệ tình cảm với người khác và phá tán tài sản gia đình. Tuy nhiên, do anh theo đạo Thiên chúa không cho phép ly hôn và anh thương con cái còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn. Chị H và anh Đ đều thừa nhận đã sống ly thân nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Xét thấy hôn nhân của chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thanh H là cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ.

[3.2]. Về con chung: Chị H và anh Đ có 03 con chung là:

+ Nguyễn Hải Đ1 – sinh ngày: 02/4/2013.

+ Nguyễn Ngọc H1 – sinh năm: 23/7/2014.

+ Nguyễn Thành Đ2 – sinh ngày: 18/12/2021.

Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Anh Đ đồng ý giao 03 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện tại các con chung sống cùng chị H và được chị H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt. Bản thân cháu Đ1 và cháu H1 cũng có nguyện vọng sống chung cùng chị H. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của các con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cả 03 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[3.3]. Về tài sản chung: Chị H và anh Đ kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Chị H và anh Đ kê khai có nợ Ngân hàng A số tiền 50.000.000đ. Tòa án đã có Thông báo số 60/2023/TB-TA ngày 23/02/2023 cho Ngân hàng thực hiện quyền yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm thanh toán nợ và đã tổng đạt hợp lệ cho Ngân hàng vào ngày 24/02/2023. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được nhưng Ngân hàng A không có văn bản yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Ngô Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thanh H. Cho chị Ngô Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Duy Đ.

2. Về con chung: Chị H và anh Đ có 03 con chung là:

- + Nguyễn Hải Đ1 – sinh ngày: 02/4/2013.
- + Nguyễn Ngọc H1 – sinh năm: 23/7/2014.
- + Nguyễn Thành Đ2 – sinh ngày: 18/12/2021.

Giao cả 03 con chung cho chị Ngô Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Duy Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh Đ kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh Đ kê khai có nợ Ngân hàng A số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Ngân hàng A không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003085 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

6. Quyền kháng cáo: Chị H và anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã PX: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 157 cấp ngày 30/12/2009);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi